

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 330/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-12-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 281/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Kim O; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: 106, G-ro, Y-si, G-do, Hàn Quốc; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: I chome 11 ban 27 go, Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là là chị Vũ Thị Kim O trình bày:

Chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/7/2012. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng từ khi có con chung, anh chị còn trẻ, chưa có công việc ổn định nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, quan hệ gia đình hai bên. Sau đó, vợ chồng chị quyết

định sang nước ngoài để làm ăn kinh tế. Chị O xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc vào năm 2016, anh K xuất khẩu lao động sang Nhật Bản vào năm 2020. Thời gian đầu vợ chồng còn hay liên lạc với nhau tuy nhiên sau đó dần ít liên lạc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay nhận thấy vợ chồng không thể dung hòa, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K có một con chung là Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 29/10/2012, hiện nay đang ở với ông bà nội. Nay ly hôn, chị O đề nghị giao con chung cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị O đề nghị chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Kim O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị O về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn Văn K đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn với chị Vũ Thị Kim O.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Vũ Thị Kim O có một con chung là Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 29/10/2012, hiện nay đang ở với ông bà nội. Nay ly hôn, anh K đề nghị giao con chung cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh K đề nghị chị O cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Kim O có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Nguyễn Văn K nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn là chị Vũ Thị Kim O hiện đang ở Hàn Quốc, bị đơn là anh Nguyễn Văn K hiện đang ở Nhật Bản, hai anh chị cùng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản

1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/7/2012. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị O và anh Nguyễn Văn K phát sinh mâu thuẫn do anh chị đều trẻ, chưa có công việc ổn định và không có tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế. Do kinh tế khó khăn nên chị O phải sang Hàn Quốc, anh K phải sang Nhật Bản xuất khẩu lao động. Do mỗi người ở một nơi nên anh chị ngày càng ít liên lạc, tình cảm phai nhạt dần. Đến nay, vợ chồng anh chị đã ly thân, không còn nói chuyện, quan tâm đến nhau. Như vậy, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Kim O về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K có một con chung là Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 29/10/2012, hiện nay đang ở với ông bà nội. Ly hôn, chị O và anh K cùng yêu cầu giao con chung cho anh K nuôi dưỡng. Cháu T có ý kiến trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Nhận thấy việc chị O và anh K yêu cầu giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị O tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 4.000.000đồng/01 tháng như anh K đề nghị. Xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện sinh hoạt và học tập của cháu T. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự tự nguyện của chị O và anh K về việc chị O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là

4.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị Kim O là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do chị O và anh K thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên chị O phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là 150.000đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Kim O:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Kim O được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 29/10/2012 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K về việc chị Vũ Thị Kim O có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 29/10/2012 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng với số tiền là 4.000.000 (bốn triệu) đồng mỗi tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi con chung Nguyễn Vũ Anh T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Vũ Thị Kim O chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.4. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Kim O và anh Nguyễn Văn K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị Kim O phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, cộng bằng 450.000đ (*bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000767 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Thị Kim O phải nộp thêm số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị Kim O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Hùng

Nguyễn Thị Luyện

Bùi Thị Thúy Hà

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà